

Số: **4361** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **18** tháng **8** năm **2010**

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố danh mục hàng hoá**  
**được phép giao dịch qua Sở Giao dịch hàng hoá**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hoá;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Vụ trưởng Vụ Thị trường trong nước,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hàng hoá được phép mua bán qua Sở Giao dịch hàng hoá.

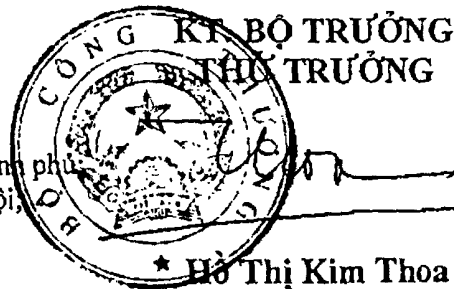
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*[Handwritten signature]*

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng TW và Ban Kinh tế TW;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Viện KSND tối cao; Toà án ND tối cao;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Website Chính phủ; Website Bộ Công Thương;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Các Sở Công Thương;
- Các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, PC, TTTN (09).



**1018336**

**DANH MỤC HÀNG HOÁ**  
**ĐƯỢC PHÉP MUA BÁN QUA SỞ GIAO DỊCH HÀNG HOÁ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 436 ngày 18 tháng 8 năm 2010*  
*của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

T/T	Mô tả hàng hoá	Mã H.S	Ghi chú
01	Cà phê nhân, chưa rang, chưa khử chất cà-phê-in	0901.11	
02	Mủ cao su tự nhiên, đã hoặc chưa tiền lưu hoá	4001.10	Chỉ áp dụng đối với các mã HS: 40011011 và 40011021
03	Cao su tự nhiên ở dạng tấm cao su xông khói	4001.21	Chỉ áp dụng đối với các mã HS: 40012110 (RSS1); 40012120 (RSS2); 40012130 (RSS3); 40012140 (RSS4); 40012150 (RSS5)
04	Cao su tự nhiên đã được định chuẩn kỹ thuật	4001.22	Các loại TSNR gồm SVR 10; SVR 20; SVR L; SVR CV; SVR GP; SVR 3L; SVR5
05	Các sản phẩm thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600 mm trở lên, được cán nóng, chưa phủ, mạ hoặc tráng	7208	
06	Các sản phẩm thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600 mm trở lên, cán nguội (ép nguội), chưa dát phủ, mạ hoặc tráng	7209	
07	Các sản phẩm thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, đã phủ, mạ hoặc tráng	7210	
08	Các sản phẩm thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, mới chỉ qua rèn, cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn nóng, kể cả công đoạn xoắn sau khi cán	7214	- Loại trừ các thép cơ khí chế tạo; - Chỉ áp dụng với loại có hàm lượng các bon dưới 0,6% tính theo trọng lượng

10/10

B